MOVERS PRACTICE 18

I. Viết dấu hiệu nhận biết vào đúng thì

now every day last month
always never at present
Listen! 1 hour ago sometimes
Look! once a week right now
yesterday last night often
last year last morning Be quiet!

HIỆN TẠI ĐƠN	HIỆN TẠI TIẾP DIỄN	QUÁ KHỨ ĐƠN

II. Chọn đáp án đúng

1. Thì nào dùng để diễn tả 1 việc lặp đi lặp lại?

A. Hiện tại đơn

LIVEWORKSHEETS

B. Hiện tại tiếp diễn
C. Quá khứ đơn

2. Thì nào dùng để diễn tả 1 việc đang xảy ra ngay bây giờ?
A. Hiện tại đơn
B. Hiện tại tiếp diễn
C. Quá khứ đơn

3. Thì nào dùng để diễn tả 1 sự thật, chân lý?
A. Hiện tại đơn
B. Hiện tại tiếp diễn
C. Quá khứ đơn

4. Thì nào dùng để diễn tả 1 việc đã xảy ra trong quá khứ và đã chấm dứt?
A. Hiện tại đơn
B. Hiện tại tiếp diễn
C. Quá khứ đơn

5. Thì nào dùng để diễn tả 1 thói quen?
A. Hiện tại đơn
B. Hiện tại tiếp diễn
C. Quá khứ đơn

LIVEWORKSHEETS

III. Đọc các câu sau và cho biết câu đang sử dụng thì gì

(HIỆN TẠI ĐƠN) (HIỆN TẠI TIẾP DIỄN)
(QUÁ KHỨ ĐƠN)

1. My mom **goes** to work every day _____
2. He **didn't brush** his teeth this morning_____
3. They always **play** tennis after school_____
4. The baby **is sleeping**_____
5. My dad **is** very tall_____
6. I **don't have** a lot of money_____
7. He **is not doing** his homework_____
8. She **doesn't like** dancing_____
9. My dad **drove** to work yesterday_____
10. My friends **went** to the beach last week_____
11. **Is** she **washing** the car?_____
12. **Did** you **visit** your grandparents last night?_____
13. He never **reads** stories_____
14. We **are** students_____
15. She **listens** to music every morning_____
16. He **was** so tired because he **didn't have** enough sleep last night_____
17. What **are** you **doing**?_____
18. They **weren't** happy_____
19. How often **do** you **play** soccer?_____

LIVEWORKSHEETS

20. We **ate** a lot of bread and chocolate _____

21. What time **did** you **get** up this morning?_____

22. What time **is** it?_____

23. They **painted** the pictures 2 hours ago_____

24. I **was** late for school yesterday_____

25. Where **are** you **going**?_____

26. **Did** you **call** me last night?_____

27. How long **does** it **take** you to do your homework?_____

28. She **isn't** friendly and funny_____

29. We **don't** often **swim** in the sea_____

30. Why **did** the baby **cry** last night?_____

IV. Use Simple Present Tense

(Dùng Thì hiện tại đơn)

1. My brother _____(brush) his teeth every day.

2. They _____(not/go) to work on Sunday.

3. My dad _____(not/ like) fishing.

4. We _____(not/be) students, we _____(be) teachers.

LIVEWORKSHEETS

5. What time _____you _____(get) up every morning?

6. How often _____your mom _____(wash) her car?

V. Use Present Continuous Tense

(Sử dụng Thì Hiện tại tiếp diễn)

1. My brother _____(play) games right now.

2. Where _____you _____(go) at the moment?
   → I _____(go) to the supermarket now.

3. Listen! The birds _____(sing)

4. My mom _____(not/ cook) in the kitchen now, she _____(watch) TV.

5. My sister_____(swim) in the pool at present.

VI. Use Simple Past Tense

(Sử dụng Thì Quá khứ đơn)

1. She _____(go) to work last week.

LIVEWORKSHEETS

2. They _____(not/be) tired yesterday.

3. Who _____he_____(visit) 3 days ago?

4. My mom _____(not/ drive) a car to work this morning.

5. My dad _____(buy) a lot of toys for me last week.

VII. Use correct tense

(Sử dụng đúng thì)

1. My brother _____(go) to school every day.

2. Listen! The baby _____(cry)

3. Who _____(be) you?

4. My parents_____(not/ work) on Saturday and Sunday.

5. My grandparents _____(do) the gardening right now.

6. Yesterday morning, I _____ (see) my teacher in the park.

LIVEWORKSHEETS

7. _____you _____(visit) your grandpa last month?

8. Last night, my sister _____(not/do) her homework.

9. I _____(not/be) tired this morning but I _____(feel) sleepy.

10. Why _____you _____(look) very sad now?

11. Who _____your mom _____(talk) with at present?

12. There _____(be) 4 people in my family.

13. She never_____(brush) her teeth after lunch, but she always _____(wash) her hands before eating.

14. I often_____(fly) a kite after school. My brother usually _____(study) English on his computer and my sister never _____ (do) the housework to help my mom.

LIVEWORKSHEETS

15. At the moment, my mom _____ (not/cook) , but she_____ (wash) the dishes in the kitchen.

16. My teacher sometimes _____(give) us some homework.

17. My sister _____(like) drawing and painting. 1 hour ago, she _____(draw) a picture and _____(paint) a picture.

18. They _____(not/ be) my friends. They _____(be) my cousins.

19. Last weekend, we_____(not/be) at home. We _____(be) at the beach with our family. We_____(eat) lots of seafood and _____(play) a lot of water sports, but we _____(not/take) any photos.

20. Every morning, my mom _____ (get) up at 6:00. Then, she _____ (do) exercise and _____(clean) her bedroom. After that, she _____(brush) her teeth and _____(wash) her face, but she _____(not/ go) to the market.

----------THE END----------

LIVEWORKSHEETS